TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 398/2020/HS-ST
Ngày: 18-09-2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nở

Ông Trần Huỳnh

Bà Huỳnh Thị Ngọc Liên

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phạm Thị Trúc Đào - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phong Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 497/2020/HSST ngày 20 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4580/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 08 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Minh T; Giới tính: Nam; Sinh năm 1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 341/E42 Lạc Long Q, Phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 290/28 đường HT13, phường H, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Môi giới bất động sản; Cha: Nguyễn Hữu Đ, sinh năm: 1964; Mẹ: Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 1969; Vợ: Trần Hồng Thùy T và chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/12/2018. (Có mặt)

2. **Vũ Ngọc Anh D**; Giới tính: Nam; Sinh năm 1981 tại Đồng Nai; Thường trú: 122/12 đường TTH20, tổ 2, KP1, phường Tân Thới H, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 122/4/18 đường TTH20, tổ 2, KP1, phường Tân Thới X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Dạy học; Cha: Vũ Ngọc D, sinh năm: 1955; Mẹ: Tạ Thị H, sinh năm: 1961; Vợ: Mai Thị Minh P và có 01 con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

Bị hại:

1. Ông Huỳnh Minh K, sinh năm 1982; Địa chỉ: 47/2 Nguyễn Phạm T, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1977; Địa chỉ: số 325 Lạc Long Q, Phường

X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Văn B, sinh năm 1980; Địa chỉ: số 4.2 Lô B3 tầng 5, chung cư 189B Cống Q, phường Nguyễn Cư T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973; Địa chỉ: 31/48 Đường số 3, khu phố 14, phường B, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

3. Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1983; Địa chỉ: số 05 A lầu 8 Cao ốc K2 Gia Tân H, phường Tân P, quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

4. Bà Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1985; Địa chỉ: số 38 Hoàng Hoa T, Phường X, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

5. Ông Trần Quốc K, sinh năm 1971; Địa chỉ: số 69 Mai Văn N, Phường X, quận Phú N, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

6. Ông Huỳnh Trung H1, sinh năm 1974; Địa chỉ: số 155 BĐ, Phường 15, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

7. Bà Mai Thị Quế T1, sinh năm 1970; Địa chỉ: 171/20 đường TTH20, phường Tân Thới H, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. (Xin xét xử vắng mặt)

Người bào chữa: Ông Nguyễn Hữu H, luật sư thuộc Công ty luật TNHH Luật Việt Nguyễn H- Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh T. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T2 liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài, Nguyễn Minh T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt T2 sản bằng thủ đoạn thuê xe ô tô để tự lái, sau khi có được bản photocopy giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô, T chụp hình rồi gửi qua ứng dụng Zalo cho Vũ Ngọc Anh D đặt làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô với giá 5.500.000 đồng/1giấy theo thông tin thật của chiếc xe, nhưng chủ sở hữu là T. Khi đặt làm giả, T trả tiền trước cho D bằng cách chuyển vào T2 khoản ngân hàng do Phạm Mai Xuân Quỳnh, sinh năm 2001, thường trú tại 124/4/7 tổ 2, khu phố 1, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (là cháu vợ của D) chủ T2 khoản. Khi nhận được yêu cầu của T, D liên hệ qua ứng dụng Zalo với nhóm đối tượng là K2 và Phạm Hữu T2 (không xác định được lai lịch) để đặt làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô với giá 3 triệu đồng/1giấy. Khi có được giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, T đưa chiếc xe có biển số tương ứng đến cầm cố tại tiệm

cầm đồ Huỳnh P2 (địa chỉ 431 Tỉnh lộ 10, phường An Lạc A, quận B Tân) do anh Huỳnh Minh K (sinh năm 1982; thường trú tại 47/2 Nguyễn Phạm Tuân, Phường 9, Quận 6) làm chủ tiệm để lấy tiền tiêu xài. T đã thực hiện nhiều vụ, cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Đối với chiếc xe ô tô hiệu Toyota Vios biển số 51F – 734.41:

Ngày 09/8/2018, T ký hợp đồng thuê chiếc xe ô tô hiệu Toyota Vios biển số 51F – 734.41 với anh Võ Văn B sinh năm 1980, thường trú tại số 4.2 Lô B3 tầng 5, chung cư 189B Cống Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1 với giá 10,5 triệu đồng/1tháng, thời hạn thuê là 01 năm. Ngay sau khi có thông tin đặc điểm của chiếc xe, ngày 09/8/2018 T thuê D làm giả 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô này do T đứng tên chủ sở hữu với giá 5,5 triệu đồng. Ngày 09/8/2018, T đã chuyển trả số tiền 5,5 triệu đồng vào T2 khoản số 0441000738960 cho D. Sau đó, D thuê lại K2 làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô nói trên và giao cho T. Ngày 09/10/2018, T đem chiếc xe ô tô hiệu Toyota Vios biển số 51F-734.41 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả của chiếc xe ô tô này do T đứng tên chủ sở hữu đến tiệm Huỳnh P2 để cầm cố cho anh K theo hợp đồng thế chấp xe mô tô – ô tô số HP1018000009, với nội dung cầm cố trong thời hạn một tháng, lãi suất 4%/1tháng để lấy số tiền 250.000.000 đồng. T đã trả tiền lãi được 20.000.000 đồng.

Kết luận giám định số 383/KLGĐ-X(Đ3) ngày 11/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: số khung và số máy của chiếc xe ô tô hiệu Toyota Vios biển số 51F-734.41 không thay đổi.

Kết luận giám định số 393/KLGĐ-TT ngày 21/02/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: chữ ký đứng tên Nguyễn Minh T trên bản hợp đồng thuê xe ngày 09/8/2018 là do T ký ra.

Kết luận giám định số 127/KLGĐ-TT ngày 10/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đứng tên Nguyễn Minh T là giả.

Kết luận giám định số 128/KLGĐ-TT ngày 11/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: chữ viết và chữ ký trên Hợp đồng thế chấp xe mô tô – ô tô số HP1018000009 ngày 09/10/2018 do anh K cung cấp là do T ký và viết ra.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã thu giữ được chiếc xe ô tô hiệu Toyota Vios biển số 51F-734.41 và đã trả lại chủ sở hữu.

- Vụ thứ hai: Đối với chiếc xe ô tô hiệu Toyota Innova biển số 51F – 223.06:

Ngày 29/10/2018, T ký hợp đồng thuê chiếc xe ô tô Toyota Innova biển số 51F – 223.06 với anh Nguyễn Văn T (sinh năm 1973, thường trú tại số 31/48 đường số 3, khu phố 14, phường B Hưng Hòa A, quận B Tân) thời hạn thuê đến ngày 08/11/2018. Ngay trong ngày 29/10/2018, T thuê D làm giả Giấy chứng nhận đăng ký của xe ô tô này do T đứng tên chủ sở hữu. Do phải chờ D làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, nên T đã trả chiếc xe ô tô nói trên cho anh T khi đến hạn. Ngày 17/11/2018 T tiếp tục ký hợp đồng thuê chiếc xe này của anh T với giá 700.000 đồng/1ngày, thời hạn thuê đến ngày 22/11/2018, T đã trả tiền thuê là 4.900.000 đồng cho anh T. Ngày 17/11/2018, T đem chiếc xe ô tô hiệu Toyota Innova biển số 51F-223.06 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả đến tiệm Huỳnh P2 để cầm cố cho anh K. Sau khi kiểm tra, anh K tin tưởng và đồng ý cầm cố với số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 3,5%/1tháng. Hai bên ký hợp đồng thế chấp xe mô tô – ô tô số HP1118000034.

Tại bản Kết luận giám định số 382/KLGĐ-X(Đ3) ngày 11/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: số khung và số máy của chiếc xe ô tô hiệu Toyota Innova biển số 51F-223.06 không thay đổi.

Tại bản kết luận giám định số 393/KLGĐ-TT ngày 21/02/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: chữ ký đứng tên Nguyễn Minh T và chữ viết họ tên "Nguyễn Minh T" trên 02 bản "Hợp đồng cho thuê xe tự lái" ngày 29/10/2018 và ngày 17/11/2018 là do T ký và viết ra.

Tại bản Kết luận giám định số 127/KLGĐ-TT ngày 10/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô này đứng tên Nguyễn Minh T là giả.

Tại bản Kết luận giám định số 128/KLGĐ-TT ngày 11/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: chữ viết và chữ ký trên Hợp đồng thế chấp xe mô tô – ô tô số HP1118000034 ngày 17/11/2018 do anh K cung cấp là do T ký và viết ra.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã thu giữ được chiếc xe ô tô hiệu Toyota Innova biển số 51F – 223.06 và đã trả lại chủ sở hữu.

- Vụ thứ ba: Đối với chiếc xe ô tô hiệu Hyundai Grand i10 biển số 51G-554.40:

Ngày 07/9/2018, T ký hợp đồng thuê chiếc xe ô tô hiệu Hyundai Grand i10 biển số 51G-554.40 với chị Phạm Thị T1 (sinh năm 1983, nơi ở tại số 05 A lầu 8 Cao ốc K2 Gia Tân Hương, phường Tân Phú, quận Tân Phú). Ngay sau khi có được thông tin đặc điểm của chiếc xe, cùng ngày 07/9/2018 T thuê D làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô này do T đứng tên chủ sở hữu. Ngày 17/10/2018, T đem chiếc xe ô tô hiệu Hyundai Grand i10 biển số 51G-554.40 và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả đến tiệm cầm đồ Huỳnh P2 gặp anh K để cầm cố với số tiền là 250.000.000 đồng trong thời gian 01 tháng, lãi suất 4%/1tháng, T trả tiền lãi được 20 triệu đồng. Hai bên ký hợp đồng thế chấp xe mô tô – ô tô số HP1018000011. Ngày 27/11/2018, anh Trần Quốc Tiến (là chồng của chị T1) qua định vị biết chiếc xe này đang để tại bãi gửi xe số 187/2 Kinh Dương Vương, Phường 12, Quận 6 và bị ngập nước nên yêu cầu T giao xe về để đi bảo dưỡng. Vì vậy T đã đem chiếc xe ô tô hiệu Toyota Fortuner biển số 51A-382.53 thuê của anh Nguyễn Văn T đổi với anh K để lấy chiếc xe ô tô hiệu Hyundai Grand i10 biển số 51G-554.40 để đem trả lại cho chị T1 và cũng trả lại cho anh K số tiền 250.000.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 393/KLGĐ-TT ngày 21/02/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: chữ viết họ tên "Nguyễn Minh T" trên bản "Hợp đồng cho thuê xe tự lái" ngày 07/9/2018 do T viết ra; không đủ cơ sở xác định chữ ký đứng tên Nguyễn Minh T trên bản hợp đồng này là do T ký ra.

Tại bản Kết luận giám định số 127/KLGĐ-TT ngày 10/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: các giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hiệu Hyundai Grand i10 biển số 51G-554.40 và xe ô tô hiệu Toyota Fortuner biển số 51A-382.53 do T đứng tên là giả.

Tại bản kết luận giám định số 128/KLGĐ-TT ngày 11/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: chữ viết và chữ ký trên "Hợp đồng thế chấp xe mô tô – ô tô" số HP1018000011 ngày 17/10/2018 do anh K cung cấp là do T ký và viết ra.

Như vậy, trong vụ này, mặc dù T đã sử dụng các giấy chứng nhận xe ô tô giả để cầm cố và thế chấp xe ô tô cho anh K, tuy nhiên, trước khi bị anh K tố cáo, T đã trả tiền cho anh K và trả lại các xe ô tô cho chủ sở hữu. Do vậy, trong vụ này Cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét xử lý T về việc chiếm đoạt T2 sản, nhưng vẫn phải xử lý T về hành vi "Sử dụng con dấu, T2 liệu của cơ quan, tổ chức".

- Vụ thứ tư: Đối với chiếc xe ô tô hiệu Kia Sorento biển số 51A – 780.49:

Ngày 01/11/2018, T liên hệ với chị Nguyễn Thị Thu T2 sinh năm 1985, thường trú tại số 38 Hoàng Hoa Thám, phường 7, quận B Thạnh để thuê chiếc xe ô tô hiệu Kia Sorento biển số 51A – 780.49 với số tiền 16.000.000 đồng/1tháng. Ngày 02/11/2018, chị T2 và T ký hợp đồng thuê xe trong thời gian 15 ngày. Ngay sau khi có thông tin đặc điểm của chiếc xe, ngày 02/11/2018, T thuê D làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô này do T đứng tên chủ sở hữu. Ngày 03/11/2018, T đem chiếc xe ô tô hiệu Kia Sorento biển số 51A-780.49 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả đến tiệm cầm đồ Huỳnh P2 để cầm cố cho anh K với số tiền 450.000.000 đồng trong thời gian một tháng, lãi suất 4%/1tháng, có ký hợp đồng thế chấp xe mô tô – ô tô số HP1018000025.

Tại bản Kết luận giám định số 915/KLGĐ-X(Đ3) ngày 04/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: số khung và số máy của chiếc xe ô tô tô hiệu Kia Sorento biển số 51A-780.49 không thay đổi.

Tại bản kết luận giám định số 393/KLGĐ-TT ngày 21/02/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: chữ ký đứng tên Nguyễn Minh T và chữ viết họ tên "Nguyễn Minh T" trên bản "Hợp đồng thuê xe ô tô" ngày 02/11/2018 là do T ký và viết ra.

Tại bản Kết luận giám định số 127/KLGĐ-TT ngày 10/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô này đứng tên Nguyễn Minh T là giả.

Tại bản Kết luận giám định số 128/KLGĐ-TT ngày 11/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: chữ viết và chữ ký trên Hợp đồng thế chấp xe mô tô – ô tô số HP1018000025 ngày 03/11/2018 do anh K cung cấp là do T ký và viết ra.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã thu giữ được chiếc xe ô tô hiệu Kia Sorento biển số 51A-780.49 và trả lại cho chủ sở hữu.

Ngoài ra quá trình điều tra còn xác định được cũng với thủ đoạn tương tự, T đã đem cầm xe ô tô tại tiệm cầm đồ Định Nghĩa, cụ thể là:

Ngày 03/4/2018, anh Trần Quốc K (sinh năm 1971, nơi ở tại số 69 Mai Văn Ngọc, Phường 11, quận Phú Nhuận), ký hợp đồng cho công ty trách nhiệm hữu hạn Siêu thị ô tô (địa chỉ tại số 10/6 Lương Hữu K, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1) thuê chiếc xe ô tô hiệu Huyndai Grand i10 biển số 51F- 874.93 trong thời gian 06 tháng, giá thuê là 10 triệu đồng/1tháng. Đến tháng 5/2018, công ty trách nhiệm hữu hạn Siêu thị ô tô cho T thuê lại chiếc xe ô tô nói trên. Tuy

nhiên, do Công ty trách nhiệm hữu hạn Siêu thị ô tô trả tiền chậm nên anh K đề nghị giao lại xe và trực tiếp ký "Giấy thoả thuận" cho T thuê chiếc xe ô tô này vào ngày 09/7/2018, trong thời gian 06 tháng với số tiền 10 triệu đồng/1tháng. Sau khi có được thông tin đặc điểm chiếc xe ô tô trên, T tiếp tục thuê D làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô này do T đứng tên chủ sở hữu. Ngày 24/5/2018, T đưa chiếc xe ô tô hiệu Hyundai Grand i10 biển số 51F-874.93 cùng với giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả đến tiệm cầm đồ Định Nghĩa tại địa chỉ số 325 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, do anh Đỗ Văn T (sinh năm 1977, nơi ở tại số 325 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11) là chủ tiệm để cầm cố. Sau khi kiểm tra, anh T tin tưởng chiếc xe ô tô này của T và đồng ý cầm cố với số tiền 300.000.000 đồng. Hai bên ký "Hợp đồng cầm đồ và thế chấp T2 sản" số 26492.

Quá trình điều tra xác định được, trước khi T cầm cố cho anh T chiếc xe ô tô hiệu Hyundai Grand i10 nói trên, T còn cầm cố cho anh T một chiếc xe ô tô hiệu Toyota Yaris (không rõ biển số) cùng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả của chiếc xe này do chính T đứng tên chủ sở hữu để lấy số tiền 200.000.000 đồng. Khoảng 02 ngày sau, anh T P2 hiện xe không phải của T nên đã trả lại xe cho chủ sở hữu và yêu cầu T trả lại tiền. Sau đó, anh T đến nhà gặp ông Nguyễn Hữu Đức (là cha của T) thì biết chiếc xe ô tô hiệu Hyundai Grand i10 biển số 51F-874.93 cũng không phải là xe do T làm chủ sở hữu nên T xin được trả dần số tiền đã cầm cố. T đã trả cho anh T số tiền 290.000.000 đồng, còn nợ số tiền 210.000.000 đồng. Ngày 12/11/2019, ông Nguyễn Hữu Đức (là cha của bị can T) đã trả cho anh T số tiền 210.000.000 đồng. Hiện nay anh T không có yêu cầu xử lý đối với việc T đã cầm cố 02 chiếc xe ô tô trên bằng các giấy tờ giả.

Tại bản Kết luận giám định số 384/KLGĐ-X(Đ3) ngày 11/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: số khung và số máy của chiếc xe ô tô hiệu Hyundai Grand i10 biển số 51F-874.93 không thay đổi.

Tại bản kết luận giám định số 393/KLGĐ-TT ngày 21/02/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: chữ ký đứng tên Nguyễn Minh T, chữ viết họ tên "Nguyễn Minh T" và chữ viết phần nội dung trên bản "Giấy thỏa thuận" ngày 09/7/2018 là do T ký và viết ra.

Tại bản Kết luận giám định số 127/KLGĐ-TT ngày 10/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô trên đứng tên Nguyễn Minh T thu giữ của T là giả.

Tại bản Kết luận giám định số 392/KLGĐ-TT ngày 27/02/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Giấy chứng nhận

đăng ký xe ô tô đứng tên Nguyễn Minh T do anh T cung cấp là giả. Bản in, hình dấu T trên Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển số 51F-874.93 là thật, không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Lê Quốc T trên giấy này là thật hay giả.

Tại bản kết luận giám định số 393/KLGĐ-TT ngày 21/02/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Chữ viết họ tên "Nguyễn Minh T" trên bản "Hợp đồng cầm đồ và thế chấp T2 sản" số 26492 ngày 24/5/2018 do T viết ra; không đủ cơ sở xác định chữ ký đứng tên Nguyễn Minh T trên bản hợp đồng này là do T ký và viết ra.

Ngày 04/12/2018 Nguyễn Minh T tiếp tục đem chiếc xe ô tô hiệu Toyota Fortuner biển số 51F – 178.40 đến cầm cố cho anh K thì bị Công an Thành phố Hồ Chí Minh P2 hiện bắt giữ. Quá trình điều tra xác minh được, ngày 04/12/2018, T thuê chiếc xe ô tô hiệu Toyota Fortuner biển số 51F – 178.40 của anh Huỳnh Trung H1 (sinh năm 1974, thường trú tại số 155 Bạch Đằng, Phường 15, quận B Thạnh). Sau khi thuê xe và có được thông tin đặc điểm của chiếc xe ô tô này, T chụp hình rồi gửi qua ứng dụng Zalo cho Vũ Ngọc Anh D để đặt làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe.Trong khi chờ D giao giấy đăng ký giả, ngày 04/12/2018 T đưa chiếc xe ô tô này đến tiệm cầm đồ Huỳnh P2, định đưa cho anh K để đổi lấy chiếc xe ô tô hiệu Toyota Innova biển số 51F-223.06 mà T đã cầm cho anh K vào ngày 17/11/2018 do đã hết thời hạn thuê. Tuy nhiên, T chưa đổi được thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra P2 hiện bắt giữ T và tạm giữ chiếc xe ô tô hiệu Toyota Fortuner biển số 51F-178.40.

Kết luận giám định số 192/KLGĐ-X(Đ3) ngày 06/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Tp.Hồ Chí Minh, kết luận: Số khung và số máy của chiếc xe ô tô này không thay đổi.

Kết luận giám định số 393/KLGĐ-TT ngày 21/02/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: chữ ký đứng tên Nguyễn Minh T và chữ viết họ tên "Nguyễn Minh T" trên bản "Hợp đồng thuê xe tự lái" ngày 04/12/2018 do anh H1 cung cấp là do T ký và viết ra. Chiếc xe ô tô hiệu Toyota Fortuner biển số 51F-178.40 do anh Biện Văn Thới sinh năm 1951, thường trú tại số 629/72 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 2, Quận 3 đứng tên chủ sở hữu. Ngày 28/12/2017, anh Thới đã bán chiếc xe này cho anh Huỳnh Trung H1 dưới hình thức hợp đồng ủy quyền.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh Nguyễn Minh T và Vũ Ngọc Anh D khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Vật chứng vụ án: Có bảng kê vật chứng kèm theo.

Tại bản Cáo trạng số 346/CT-VKS-P2 ngày 24/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Nguyễn Minh T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt T2 sản" và "Sử dụng con dấu hoặc T2 liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm a, khoản 4, Điều 174 và điểm b, khoản 3, Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và truy tố Vũ Ngọc Anh D về tội "Làm giả con dấu, T2 liệu của cơ quan, tổ chức" theo điểm a, khoản 3, Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Minh T và Vũ Ngọc Anh D khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, vật chứng thu giữ được trong người các bị cáo, cũng như kết luận giám định là không oan sai, chỉ trình bày các tình tiết giảm nhẹ và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố tại phiên tòa nêu quan điểm luận tội: Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình giống như bản cáo trạng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi, nhân thân và các tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo, đã có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Nguyễn Minh T có hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt T2 sản và sử dụng con dấu hoặc T2 liệu giả của cơ quan, tổ chức". Bị cáo Vũ Ngọc Anh D có hành vi "Làm giả con dấu, T2 liệu của cơ quan, tổ chức". Vì vậy, bị cáo T và D phải chịu trách nhiệm hình sự đối với những hành vi này. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 4, Điều 174 và điểm b, khoản 3, Điều 341; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T từ 07 năm tù đến 08 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt T2 sản" và từ 02 năm tù đến 03 năm tù về tội "Sử dụng con dấu hoặc T2 liệu giả của cơ quan, tổ chức" đồng thời buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội; Áp dụng điểm a, khoản 3, Điều 341; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Vũ Ngọc Anh D từ 02 năm tù đến 03 năm tù về tội "Làm giả con dấu, T2 liệu của cơ quan, tổ chức".

Đề nghị xem xét giải quyết trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Minh T có trách nhiệm trả lại cho bị hại Huỳnh Minh K số tiền 800.000.000 đồng và bị hại Đỗ Văn T 500.000.000 đồng. Ghi nhận bị cáo đã bồi thường toàn bộ cho các bị hại. Đồng thời đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh T trình bày: Về tội danh luật sư thống nhất như cáo trạng truy tố không có ý kiến. Về động cơ mục đích phạm tội trong vụ án này, bị cáo hoàn toàn không cố ý thực hiện hành vi lừa đảo mà xuất P2

từ việc đang kinh doanh cần vốn để xoay vòng, tuy nhiên do công việc làm ăn không thuận lợi. Từ đó, dẫn việc bị cáo cầm cố xe và không có khả năng chi trả, với động cơ mục đích phạm tội giản đơn như trình bày trên là do hành động nông nổi của bị cáo. Ngay sau khi P2 hiện sự việc bị cáo tác động gia đình và gia đình đã khắc phục toàn bộ số tiền bị cáo chiếm đoạt của các cửa hàng cầm xe và hoàn trả xe do bị cáo thuê của các chủ xe; Về tình tiết giảm nhẹ bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm s, b, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải", "Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả" thì các bị hại không yêu cầu tăng nặng trách nhiệm hình sự, có đơn xin xem xét bãi nại cho bị cáo. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất đối với từng tội danh cụ thể.

Trong phần đối đáp, đại diện Viện Kiểm sát, các bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, không bên nào đưa ra những tình tiết mới cần phải tranh luận đối đáp thêm.

Bị cáo Nguyễn Minh T chấp nhận bản luận cứ bào chữa của luật sư, không tranh luận thêm. Bị cáo Vũ Ngọc Anh D không tự bào chữa, không tranh luận. Lời nói sau cùng của các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T2 liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo không có ý kiến hoặc kH1 nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trước khi khai mạc phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bản luận cứ bào chữa cho bị cáo T đến tòa, tại phiên tòa bị cáo T đồng ý việc vắng mặt của người bào chữa. Xét thấy, sự vắng mặt người bào chữa trong trường hợp này là không trái quy định pháp luật.

Căn cứ Điều 291 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu vắng mặt của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh T.

Người bị hại - ông Đỗ Văn T đã được tống đạt ngày giờ xét xử hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Trên cơ sở đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thu thập một cách khách quan, căn cứ lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, cùng các T2 liệu giám định, các chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án, được chứng minh tại phiên tòa hôm nay, đã đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ tháng 4/2018 đến tháng 12/2018, bị cáo Nguyễn Minh T thuê nhiều xe ô tô để lấy thông tin giấy đăng ký đối với chiếc xe ôtô, đồng thời T thuê bị cáo Vũ Ngọc Anh D làm giả 06 giấy chứng nhận đăng ký xe với thông tin do T cung cấp là chủ sở hữu, rồi đem đến tiệm cầm đồ Huỳnh P2 của ông Huỳnh Minh K và tiệm cầm đồ Định Nghĩa của ông Đỗ Văn T cầm cố các xe ô tô lấy tiền tiêu xài. Với phương thức thủ đoạn nói trên, T đã thực hiện 06 vụ, chiếm đoạt của ông K số tiền 1.350.000.000 đồng, chiếm đoạt của ông Đỗ Văn T số tiền 500.000.000 đồng.

Bị cáo Vũ Ngọc Anh D khai nhận làm giả các giấy chứng nhận đăng ký xe với thông tin bị cáo Nguyễn Minh T là chủ sở hữu, mỗi giấy giả với giá là 5.500.000 đồng. D thông qua các đối tượng tên K2 và Phạm Hữu T2 để làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô với giá 3 triệu đồng/1giấy. Vũ Ngọc Anh D đã làm giả 06 giấy chứng nhận đăng ký xe theo yêu cầu của bị cáo T, đã hưởng lợi 15.000.000 đồng.

[3] Với hành vi nêu trên bị cáo Nguyễn Minh T đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt T2 sản" và tội "Sử dụng con dấu hoặc T2 liệu giả của cơ quan, tổ chức" tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 341 và Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); bị cáo Vũ Ngọc Anh D đã phạm vào tội "Làm giả con dấu, T2 liệu của cơ quan tổ chức", tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Nguyễn Minh T và Vũ Ngọc Anh là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét thấy, bị cáo Nguyễn Minh T, đã có hành vi gian dối, bằng thủ đoạn thuê người làm giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô các loại, với thông tin do bị cáo là chủ sở hữu, rồi đem đến tiệm cầm đồ Huỳnh P2 của anh Huỳnh Minh K và tiệm cầm đồ Định Nghĩa của anh Đỗ Văn T cầm cố các xe ô tô không phải do mình làm chủ sở hữu để lấy tiền tiêu xài cụ thể: Bị cáo đã thực hiện 06 vụ, chiếm đoạt

của bị hại Huỳnh Minh K số tiền 1.350.000.000 đồng, chiếm đoạt của anh Đỗ Văn T số tiền 500.000.000 đồng, thuộc trường hợp "Chiếm đoạt T2 sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên" được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 được (sửa đổi bổ sung năm 2017) về tội "Lừa đảo chiếm đoạt T2 sản". Đồng thời, bị cáo Nguyễn Minh T đã "Sử dụng con dấu, T2 liệu hoặc giấy tờ khác để thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng" quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 được (sửa đổi bổ sung năm 2017) về tội "Sử dụng con dấu hoặc T2 liệu giả của cơ quan, tổ chức"; Đối với bị cáo Vũ Ngọc Anh D đã có hành vi "Làm 06 con dấu, T2 liệu hoặc giấy tờ khác trở lên" phạm tội thuộc trường hợp được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 được (sửa đổi bổ sung năm 2017) về tội "Làm giả con dấu T2 liệu của cơ quan tổ chức".

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Minh T,Vũ Ngọc Anh D là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính nhà nước. Hành vi của bị cáo Nguyễn Minh T còn xâm phạm đến quyền sở hữu T2 sản hợp pháp của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, để giữ gìn kỷ cương pháp luật, bảo vệ hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước, bảo vệ quyền sở hữu hợp pháp về T2 sản công dân, tổ chức, cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét hành vi, hậu quả cũng như nhân thân của từng bị cáo, cụ thể: Bị cáo Nguyễn Minh T trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, lần đầu phạm tội, bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho các bị hại, được người bị hại bãi nại. Mặt khác, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình có truyền thống Cách mạng, có cha là ông Nguyễn Hữu Đức được tặng thưởng nhiều bằng khen. Do đó, Hội đồng xét xử lần lượt áp dụng điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tương ứng như đã phân tích nêu trên để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, cũng như nhân thân, hậu quả vụ án nên áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo. Do bị cáo Nguyễn Minh T phạm nhiều tội nên cần áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để tổng hợp hình phạt của nhiều tội và buộc bị cáo phải chấp hành. Từ đó, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để răn đe và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Vũ Ngọc Anh D, Hội đồng xét xử nhận định như sau: theo hồ sơ vụ án thể hiện, bị cáo D là trung gian cho những đối tượng K2 và Phạm Hữu T2 thông qua tin nhắn điện thoại, để đặt làm giả giấy tờ xe cho bị cáo Nguyễn Minh T, nhằm hưởng tiền chênh lệch, những đối tượng thực tế là người làm những giấy tờ giả, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đang xác minh và đã có Quyết định tách vụ án "Làm giả con dấu, T2

liệu của cơ quan, tổ chức" để tiếp tục làm rõ xử lý sau. Từ đó, Hội đồng xét xử đánh giá vai trò, hành vi phạm tội của bị cáo để xem xét, cụ thể bị cáo Vũ Ngọc Anh D trong suốt quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo lần đầu phạm tội, có hoàn cảnh gia đình khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương), hiện bị cáo là giáo viên có công việc ổn định, lại là lao động chính đang nuôi dưỡng cha mẹ già, vợ không có thu nhập và con nhỏ, bản thân bị cáo hiện mắc nhiều bệnh tật có giấy tờ bệnh án kèm theo, đồng thời bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ tiền thu lợi bất chính. Do đó, Hội đồng xét xử lần lượt áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo. Ngoài ra, Hội đồng xét cần xem xét vai trò thứ yếu, về nhân thân, hoàn cảnh, cũng như hậu quả của vụ án để áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổ, bổ sung năm 2017) cho bị cáo D. Từ đó, quyết định áp dụng một hình phạt thích hợp là phạt tiền cũng đủ để răn đe giáo dục đối với bị cáo và đảm bảo khả năng thi hành hình phạt.

Từ những lập luận trên đây, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa đối với các bị cáo. Cũng như chấp nhận một phần ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo T về các tình tiết giảm nhẹ.

Đối với nhóm đối tượng gồm tên K2 và Phạm Hữu T2 làm giả T2 liệu của cơ quan tổ chức, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã tách vụ án "Làm giả con dấu, T2 liệu của cơ quan, tổ chức" tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là có căn cứ.

Đối với bà Phạm Mai Xuân Quỳnh cho Vũ Ngọc Anh D sử dụng T2 khoản ngân hàng chuyển tiền làm giả giấy tờ, nhưng do chị Quỳnh không biết việc làm giả của D nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại ông Huỳnh Minh K yêu cầu được bồi thường số tiền 800.000.000 đồng, đối với khoản tiền này Ông Nguyễn Hữu Đức là cha ruột của bị cáo Nguyễn Minh T đã nộp số tiền 800.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo Nguyễn Minh T. Xét thoả thuận về yêu cầu bồi thường trên là không trái với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Riêng đối với ông Đỗ Văn T tại cơ quan điều tra, Ông Nguyễn Hữu Đức là cha ruột của bị cáo Nguyễn Minh T đã bồi thường cho ông Đỗ Văn T, ông T đã nhận lại toàn bộ số tiền 500.000.000 đồng và ông T có đơn bãi nại xin rút tố cáo đối với bị cáo T.

Đối với số tiền thu lợi bất chính 15.000.000 đồng, cần buộc bị cáo Vũ Ngọc Anh D nộp lại để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Ghi nhận bị cáo D đã nộp số tiền 59.000.000 đồng, số tiền còn lại 44.000.000 đồng không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo D.

Đối với yêu cầu bồi thường số tiền 9.100.000 đồng của ông Nguyễn Văn T, cần giải quyết như sau: Bị cáo Nguyễn Minh T thuê xe của ông Nguyễn Văn T với giá 14.000.000 đồng, bị cáo T đã trả 4.900.000 đồng, ông T yêu cầu bị cáo phải tiếp tục thanh toán số tiền thuê xe còn lại là 9.100.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy số tiền 9.100.000 đồng đã được ông Nguyễn Hữu Đức là cha ruột bị cáo thay mặt bị cáo nộp lại để trả cho ông Nguyễn Văn T. Xét đây là sự thỏa thuận tự nguyện giữa hai bên nên Hội đồng xét xử không xét do đã được giải quyết tại cơ quan điều tra.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) Giấy phép lái xe số 790176920245 mang tên Nguyễn Minh T. Tại Kết luận giám định số 152/KLGĐ-TT ngày 18/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Giấy phép lái xe hạng B2 đứng tên Nguyễn Minh T là giả;

Đối với 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 311583, biển số 51F-874.93 mang tên Nguyễn Minh T. Tại bản Kết luận giám định số 127/KLGĐ-TT ngày 10/12/2018, kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô trên đứng tên Nguyễn Minh T thu giữ của T là giả;

- Đối với 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 198066, biển số 51A-382.53 mang tên Nguyễn Minh T. Tại bản Kết luận giám định số 127/KLGĐ-TT ngày 10/12/2018, kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hiệu Toyota Fortuner biển số 51A-382.53 do T đứng tên là giả;

- Đối với 02 (hai) Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 047397, biển số 60B9-153.54 có thông tin: hiệu Suzuki Satria, số máy: F125ID605411, số khung: 13BLWJ605015, chủ sở hữu là "Bùi Xuân Đài"; thường trú: "tổ 17, ấp 10, Xuân Tây, Cẩm Mỹ, ĐN";

- Đối với 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 161750, biển số 51A-780.49 mang tên Nguyễn Minh T. Tại bản Kết luận giám định số 127/KLGĐ-TT ngày 10/12/2018, kết luận: giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô này đứng tên Nguyễn Minh T là giả;

- Đối với 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 070940, biển số 51F-223.06 mang tên Nguyễn Minh T. Tại bản Kết luận giám định số 127/KLGĐ-TT ngày 10/12/2018, kết luận: giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô này đứng tên Nguyễn Minh T là giả;

- Đối với 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 187429, biển số 51F-734.41 mang tên Nguyễn Minh T. Tại bản Kết luận giám định số 127/KLGĐ-TT ngày 10/12/2018, kết luận: giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô này đứng tên Nguyễn Minh T là giả.

- Đối với 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 347682, biển số 51G-554.40 mang tên Nguyễn Minh T. Tại bản Kết luận giám định số 127/KLGĐ-TT ngày 10/12/2018, kết luận: giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô này đứng tên Nguyễn Minh T là giả.

- Đối với 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của chiếc xe ô tô hiệu Huyndai Grand i10 biển số 51F-874.93 do Nguyễn Minh T đứng tên. Tại bản Kết luận giám định số 392/KLGĐ-TT ngày 27/02/2019, kết luận: giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đứng tên Nguyễn Minh T là giả.

- Đối với 02 (hai) giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 093186; biển số 59G2 – 500.80.

- Đối với 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BS 30A – 863.93 mang tên Lại Duy Cương.

- Đối với 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 113297251 mang tên Nguyễn Mạnh Cương.

- Đối với 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 082068333 mang tên Hoàng Đình Soạn.

Là những T2 liệu chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần chuyển giao tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 (một) Con dấu có nội dung "Huỳnh Công Khâm"; 01 (một) Con dấu có nội dung "Nguyễn Bá Nam"; 01 (một) Con dấu có nội dung "K/T CHỦ TỊCH – PHÓ CHỦ TỊCH"; 01 (một) Con dấu có nội dung "CÔNG CHỨNG VIÊN-TRẦN BẢO NAM"; 01 (một) Con dấu T có nội dung "CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH-SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO", là phương tiện dùng vào hành vi làm giả, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobel, imei số: 810033600310140 cùng sim, thu giữ của bị cáo Nguyễn Minh T dùng làm phương tiện liên hệ việc làm giả giấy tờ nên cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, số: 8717895 kèm sim, thu giữ của bị cáo Nguyễn Minh T dùng làm phương tiện liên hệ việc làm giả giấy tờ nên cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, imei số: 353410072525334, thu giữ của bà Mai Thị Quế T1, bà T1 là chị vợ của bị cáo Vũ Ngọc Anh D, tại cơ quan điều tra và trước khi xét xử bà T1 trình bày điện thoại này không liên quan đến bà T1 mà là của bị cáo D, bà T1 không có ý kiến gì đối với điện thoại này. Xét thấy điện thoại trên được bị cáo D dùng làm phương tiện liên hệ việc làm giả giấy tờ nên cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) Máy vi tính xách tay hiệu Asus số IC: 4104A-QCNFA435. Qua kiểm tra, Cơ quan CSĐT đã P2 hiện T2 khoản Zalo "Trần Quang Long" và xác định T2 khoản này liên hệ với T2 khoản "Đại Quang Minh" và "Nguyễn Hoàng Anh Bảo" để đặt làm các giấy tờ giả như nội dung nêu trên, thu giữ của bà Mai Thị Quế T1, bà T1 là chị vợ của bị cáo Vũ Ngọc

Anh D, tại cơ quan điều tra và trước khi xét xử bà T1 trình bày điện thoại này không liên quan đến bà T1 mà là của bị cáo D, bà T1 không có ý kiến gì đối với điện thoại này. Xét thấy máy tính xách tay trên được bị cáo D dùng làm phương tiện liên hệ việc làm giả giấy tờ nên cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, imei số: 356935098246264, kèm sim, thu giữ của bị cáo Vũ Ngọc Anh D không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, imei số: 351873078847428, kèm sim, thu giữ của bị cáo Vũ Ngọc Anh D không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, imei số: 357318083126990, thu giữ của bị cáo Vũ Ngọc Anh D không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, imei số: 356004080733050, thu giữ của bị cáo Vũ Ngọc Anh D không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 (một) Máy vi tính xách tay hiệu Acer số SNID: 30301482566. Qua kiểm tra, không P2 hiện dữ liệu liên quan đến hoạt động làm giả con dấu, T2 liệu của Vũ Ngọc Anh D; 01 (một) Máy vi tính xách tay hiệu Dell số pin: XF6C61. Qua kiểm tra, không P2 hiện dữ liệu liên quan đến hoạt động làm giả con dấu, T2 liệu của Vũ Ngọc Anh D, hai máy tính xách tay này thu giữ của bà Mai Thị Quế T1, bà T1 là chị vợ của bị cáo Vũ Ngọc Anh D, tại cơ quan điều tra và trước khi xét xử bà T1 trình bày hai máy tính xách tay này không liên quan đến bà T1 mà là của bị cáo D, bà T1 không có ý kiến gì đối với hai máy tính xách tay này. Xét thấy hai máy tính xách tay trên không liên quan đến việc làm giả giấy tờ nên trả lại cho bị cáo D.

[8] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 2; Điều 6 Luật phí, lệ phí; Điều 3; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a, khoản 4, Điều 174 và điểm b, khoản 3, Điều 341; điểm s, b, khoản 1, Điều 51; Điều 54; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Minh T** 07 (bảy) năm tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt T2 sản" và 02 (hai) năm tù, về tội "Sử dụng con dấu hoặc T2 liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải chấp hành hình phạt chung là 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/12/2018.

Căn cứ điểm a, khoản 3, Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo **Vũ Ngọc Anh D** 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, về tội "Làm giả con dấu, T2 liệu của cơ quan, tổ chức".

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T bồi thường số tiền 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng cho ông Huỳnh Minh K. Ghi nhận bị cáo T đã bồi thường toàn bộ số tiền 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng cho ông Huỳnh Minh K.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Minh T bồi thường số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng cho ông Đỗ Văn T. Ghi nhận bị cáo T đã bồi thường toàn bộ số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng cho ông Đỗ Văn T.

Buộc bị cáo Vũ Ngọc Anh D phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng để nộp Ngân sách Nhà nước. Ghi nhận bị cáo D đã nộp lại số tiền 59.000.000 (năm mươi chín triệu) đồng, số tiền còn lại 44.000.000 (bốn mươi bốn triệu) đồng cần trả lại cho bị cáo D.

Ghi nhận việc thỏa thuận bồi thường của bị cáo Nguyễn Minh T và ông Nguyễn Văn T về việc trả lại số tiền 9.100.000 (chín triệu một trăm ngàn) đồng cho ông Nguyễn Văn T.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017:

Chuyển giao toàn bộ giấy tờ, T2 liệu chứng cứ sau đây để tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án:

01 (một) Giấy phép lái xe số 790176920245 mang tên Nguyễn Minh T. Tại Kết luận giám định số 152/KLGĐ-TT ngày 18/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Giấy phép lái xe hạng B2 đứng tên Nguyễn Minh T là giả; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 311583, biển số 51F-874.93 mang tên Nguyễn Minh T. Tại bản Kết luận giám định số 127/KLGĐ-TT ngày 10/12/2018, kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô trên đứng tên Nguyễn Minh T thu giữ của T là giả; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 198066, biển số 51A-382.53 mang tên Nguyễn Minh T. Tại bản Kết luận giám định số 127/KLGĐ-TT ngày 10/12/2018, kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hiệu Toyota Fortuner biển số 51A-382.53 do T đứng tên là giả; 02 (hai) Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 047397, biển số 60B9-153.54 có thông tin: hiệu Suzuki Satria, số máy: F125ID605411, số khung: 13BLWJ605015, chủ sở hữu là "Bùi Xuân Đài"; thường trú: "tổ 17, ấp 10, Xuân Tây, Cẩm Mỹ, ĐN"; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 161750, biển số 51A-780.49 mang tên Nguyễn Minh T. Tại bản Kết luận giám định số 127/KLGĐ-TT ngày 10/12/2018, kết luận: giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô này đứng tên Nguyễn Minh T là giả; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 070940, biển số 51F-223.06 mang tên Nguyễn Minh T. Tại bản Kết luận giám định số 127/KLGĐ-TT ngày 10/12/2018, kết luận: giấy chứng nhận đăng

ký xe ô tô này đứng tên Nguyễn Minh T là giả; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 187429, biển số 51F-734.41 mang tên Nguyễn Minh T. Tại bản Kết luận giám định số 127/KLGĐ-TT ngày 10/12/2018, kết luận: giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô này đứng tên Nguyễn Minh T là giả; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 347682, biển số 51G-554.40 mang tên Nguyễn Minh T. Tại bản Kết luận giám định số 127/KLGĐ-TT ngày 10/12/2018, kết luận: giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô này đứng tên Nguyễn Minh T là giả; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của chiếc xe ô tô hiệu Huyndai Grand i10 biển số 51F-874.93 do Nguyễn Minh T đứng tên. Tại bản Kết luận giám định số 392/KLGĐ-TT ngày 27/02/2019, kết luận: giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đứng tên Nguyễn Minh T là giả; 02 (hai) giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 093186; biển số 59G2 – 500.80; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BS 30A – 863.93 mang tên Lại Duy Cương; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 113297251 mang tên Nguyễn Mạnh Cương; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 082068333 mang tên Hoàng Đình Soạn.

Tịch thu tiêu hủy:

01 (một) Con dấu có nội dung "Huỳnh Công Khâm"; 01 (một) Con dấu có nội dung "Nguyễn Bá Nam"; 01 (một) Con dấu có nội dung "K/T CHỦ TỊCH – PHÓ CHỦ TỊCH"; 01 (một) Con dấu có nội dung "CÔNG CHỨNG VIÊN-TRẦN BẢO NAM"; 01 (một) Con dấu T có nội dung "CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH-SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO".

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobel, imei số: 810033600310140 cùng sim; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, số: 8717895 kèm sim; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, imei số: 353410072525334; 01 (một) Máy vi tính xách tay hiệu Asus số IC: 4104A-QCNFA435. Qua kiểm tra, Cơ quan CSĐT đã P2 hiện T2 khoản Zalo "Trần Quang Long" và xác định T2 khoản này liên hệ với T2 khoản "Đại Quang Minh" và "Nguyễn Hoàng Anh Bảo" để đặt làm các giấy tờ giả như nội dung nêu trên.

Trả lại cho bị cáo Vũ Ngọc Anh D: 01 (một) Máy vi tính xách tay hiệu Acer số SNID: 30301482566. Qua kiểm tra, không P2 hiện dữ liệu liên quan đến hoạt động làm giả con dấu, T2 liệu của Vũ Ngọc Anh D; 01 (một) Máy vi tính xách tay hiệu Dell số pin: XF6C61. Qua kiểm tra, không P2 hiện dữ liệu liên quan đến hoạt động làm giả con dấu, T2 liệu của Vũ Ngọc Anh D; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, imei số: 356935098246264, kèm sim; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, imei số: 351873078847428, kèm sim; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, imei số: 357318083126990; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, imei số: 356004080733050; 01 (một) Máy vi tính xách tay hiệu Acer số SNID: 30301482566. Qua kiểm tra, không P2 hiện dữ liệu liên quan đến hoạt động làm giả con dấu, T2 liệu của Vũ Ngọc Anh D; 01 (một)

Máy vi tính xách tay hiệu Dell số pin: XF6C61. Qua kiểm tra, không P2 hiện dữ liệu liên quan đến hoạt động làm giả con dấu, T2 liệu của Vũ Ngọc Anh D.

(Theo Biên bản tang T2 vật số NK2020/460 ngày 16/9/2020 của Cục thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh ; Giấy nộp tiền số No 4776978 ngày 22/11/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh nộp vào Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam).

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 2; Điều 6 Luật phí, lệ phí; Điều 3; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày tuyên án; đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP. HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục Thi hành án dân sự; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Bị cáo; (2)
- Bị hại; (2)
- Người liên quan; (7)
- Luật sư; (1)
- Thi hành án hình sự; (1)
- Phòng PC 53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (35) (8)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hà